

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 01 NĂM 2014



I - Hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân (TNCN) 2013

Ngày 24 tháng 01 vừa qua, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 336/TCT-TNCN hướng dẫn việc thực hiện quyết toán thuế TNCN của năm 2013 với một số nội dung cần lưu ý như sau:



Các trường hợp phải khai và quyết toán thuế TNCN

- Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN phải quyết toán thuế thay cho cá nhân có ủy quyền;
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, kinh doanh, hoạt động đại lý, bán hàng đa cấp, có thu nhập chuyển nhượng chứng khoán có yêu cầu áp thuế 20% phải thực hiện quyết toán thuế TNCN;
- Các tổ chức, doanh nghiệp sáp nhập, giải thể, phá sản... phải quyết toán thuế TNCN đối với số thuế đã khấu trừ trước 45 ngày.

Các trường hợp được ủy quyền quyết toán

- Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng từ hợp đồng trên 03 tháng thì ủy quyền quyết toán kể cả không làm việc đủ 12 tháng;
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng từ hợp đồng trên 03 tháng đồng thời có thu nhập vãng lai khác có thể ủy quyền cho đơn vị chi trả thu nhập hoặc trực tiếp quyết toán.

Giảm trừ gia cảnh

- Cá nhân trong kỳ chưa tính giảm trừ cho bản thân, người phụ thuộc đủ 12 tháng thì được tính giảm trừ đủ 12 tháng;
- Giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc được tính kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Việc giảm trừ cho người phụ thuộc được tính kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng, trường hợp tờ khai người phụ thuộc không xác định đúng thời điểm phát sinh thì cá nhân được đăng ký lại khi quyết toán thuế.

Xác định thu nhập bình quân chịu thuế TNCN

- Từ giai đoạn ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013: giảm trừ bản thân là 4.000.000 đồng/tháng;
- Từ giai đoạn ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: giảm trừ bản thân là 9.000.000 đồng/tháng;
- Thu nhập bình quân năm 2013 xác định như sau: Thu nhập bình quân = (Tổng thu nhập cả năm - tổng giảm trừ cả năm)/12 tháng.

Hồ sơ khai quyết toán thuế sẽ thực hiện theo mẫu tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC (không thực hiện theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC).

Người nộp thuế có thể tham khảo Phụ lục 1 của Công văn này để có công thức tính thuế chi tiết.

II - Hướng dẫn thực hiện các hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam

Double Taxation Avoidance Agreements Ngày 24 tháng 12 năm 2013 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 205/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện các hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam và các vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam. Theo đó:

Từ ngày 06 tháng 02 năm 2014, nhiều hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa trốn lậu thuế đối với loại thuế thu nhập và tài sản sẽ được áp dụng với một số nội dung đáng chú ý như sau:

- Trường hợp cá nhân có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam nhưng thực tế có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế mà cá nhân không chứng minh được là đối tượng cư trú của nước nào thì cá nhân đó là đối tượng cư trú tại Việt Nam;
- Đối tượng cư trú của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam có thu nhập từ việc trực tiếp sử dụng, khai thác hoặc cho thuê các loại bất động sản tại Việt Nam phải nộp thuế thu nhập tại Việt Nam;
- Đối tượng cư trú nhận được tiền lãi cổ phần mà pháp luật Việt Nam không quy định thu thuế thu nhập hoặc thu thuế với một mức thuế suất thấp hơn quy định tại Hiệp định thì thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2014, thay thế Thông tư số 133/2004/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

Các thủ tục áp dụng Hiệp định được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

III - Hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn

Ngày 17 tháng 01 năm 2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 10/2014/TT-BTC hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn. Theo đó, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa đơn là 01 năm. Đối với hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn dẫn đến trốn thuế, gian lận thuế, nộp chậm tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về thuế là 05 năm.



Cũng theo Thông tư, các nội dung quy định bắt buộc phải đúng trên hóa đơn tự in, hóa đơn điện tử là ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu hóa đơn, số hóa đơn.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định rõ mức phạt đối với hành vi không khai báo đúng quy định đối với trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn trước khi thông báo phát hành. Cụ thể như sau:

- Không xử phạt nếu khai báo với cơ quan thuế trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn;
- Phạt cảnh cáo nếu khai báo với cơ quan thuế từ ngày thứ 6 đến hết ngày thứ 10 kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn và có tình tiết giảm nhẹ; trường hợp không có tình tiết giảm nhẹ thì xử phạt 6 triệu đồng.
- Phạt tiền từ 6 – 18 triệu đồng nếu khai báo với cơ quan thuế sau ngày thứ 10 kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn;

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 03 năm 2014.

IV - Siết chặt quản lý sử dụng hóa đơn tự in, đặt in

Ngày 17 tháng 01 vừa qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 04/2014/NĐ-CP sửa đổi một số điều về việc quản lý hóa đơn, trong đó có việc siết chặt điều kiện để doanh nghiệp được đặt in, tự in hóa đơn.

Theo quy định tại Nghị định này, Doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in có hành vi vi phạm về hóa đơn bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, gian lận thuế sẽ không được tiếp tục sử dụng hóa đơn đã in.

Thời hạn cấm sử dụng hóa đơn tự in, đặt in là 12 tháng kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong thời gian này các doanh nghiệp này phải mua hóa đơn do cơ quan thuế phát hành để sử dụng.

Ngoài ra, các doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế khi có yêu cầu của cơ quan thuế cũng sẽ phải ngừng sử dụng hóa đơn tự in, đặt in và chuyển sang sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế.

Các quy định này sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 03 năm 2014.

V - Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính Thuế APA (Advance pricing agreement)

Ngày 20 tháng 12 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2013/TT-BTC (Thông tư 201) quy định chi tiết và hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế và có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 02 năm 2014.

Theo đó, một số điểm đáng lưu ý trong Thông tư 201 như sau:

Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn về việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (gọi tắt là APA) trong quản lý thuế, giữa:

- Cơ quan thuế với người nộp thuế; hoặc
- giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế các nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký Hiệp định thuế cho một thời hạn nhất định.

Đối tượng áp dụng APA

Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là:

- Đối tượng nộp thuế của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN);
- Thực hiện khai thuế theo phương pháp được quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 (số thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế = thu nhập tính thuế x thuế suất);
- Có thực hiện giao dịch kinh doanh với các bên có quan hệ liên kết;
- Có đơn đề nghị áp dụng APA trước khi thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế cho năm đầu tiên của giai đoạn đề nghị áp dụng APA.

Nội dung của APA

Xác định cụ thể các căn cứ tính thuế, phương pháp xác định giá tính thuế hoặc giá tính thuế theo giá thị trường.

Thời điểm APA được xác lập

Trước khi người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế TNDN.

Một số Nguyên tắc chính yếu khi áp dụng APA:

- Các bên cùng hợp tác trao đổi, đàm phán về việc áp dụng các quy định pháp luật về thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN đối với các giao dịch liên kết trên nguyên tắc giao dịch độc lập theo giá thị trường;
- Xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết phù hợp với bản chất hoạt động kinh doanh làm phát sinh mức lợi nhuận thích hợp để thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập;
- Trong thời gian đàm phán APA, người nộp thuế thực hiện khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Các phương pháp xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết được thực hiện theo văn bản pháp quy hướng dẫn về xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết. Khi lựa chọn phương pháp xác định giá thị trường trong APA, cần căn cứ vào bản chất và phương pháp tính hơn là tên gọi của phương pháp.

Trình tự giải quyết đề nghị áp dụng APA

Bao gồm các giai đoạn sau:

- Tham vấn trước khi nộp hồ sơ chính thức;
- Nộp hồ sơ chính thức;
- Thẩm định hồ sơ APA;
- Trao đổi, đàm phán các nội dung APA;
- Ký kết và lưu hành APA.

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn đề nghị áp dụng APA tại Việt Nam

- Cục thuế các tỉnh, thành phố tham gia đàm phán và thực hiện APA phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý của Cục thuế nơi quản lý doanh nghiệp có hồ sơ đề nghị áp dụng APA.
- Tổng cục Thuế là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đàm phán, ký kết sửa đổi, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ APA và tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện APA.
- Bộ Tài chính phê duyệt phương án đàm phán, ký kết, sửa đổi, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ APA.

Lưu ý

“Bản tin này được thực hiện nhằm cung cấp thêm thông tin cho quý khách hàng. Mặc dù chúng tôi rất chú trọng tới vấn đề đảm bảo tính chính xác, tuy nhiên những thông tin được cung cấp thông qua bản tin này không mang tính toàn diện tuyệt đối và quý khách hàng nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi áp dụng”.